TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Q.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hồ Xuân D.

2/ Bà Nguyễn Thị Th.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình D – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ L – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Nh, thị xã A, tỉnh B; hiện trú tại: Số nhà 6/5 Bùi Thị Xuân, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, có mặt;

*** Bị đơn:** Anh Trần Nguyên Trang T sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Ng, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày:* Chị và anh Trần Nguyên Trang T tìm hiểu 01 năm, tự nguyện xác lập quan hệ sống chung như vợ chồng từ năm 2007, đến ngày 21/5/2009 đăng ký kết hôn tại UBND xã Nh, thị xã A, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn, xích mích nhưng sau đó hàn gắn. Năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh

T thường xuyên uống rượu kiếm chuyện gây gỗ, đánh đập vợ con. Chị nhiều lần động viên khuyên giải nhưng vẫn không có kết quả. Anh T vẫn tánh nào tật đấy uống rượu về kiếm chuyện gây sự đánh đập, có lần cầm dao rượt đuổi chị chạy khắp xóm làng. Tháng 7/2019, sau một lần ăn nhậu anh T về đánh đập, chị dẫn cháu Ph ra thuê nhà trọ ở. Tháng 11/2019, anh T động viên chị quay về đoàn tụ nhưng vợ chồng sống không có hạnh phúc. Tháng 7/2020, vợ chồng chấm dứt cuộc sống chung đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, yêu cầu được ly hôn.

Chị và anh T có 03 người con chung tên Trần Nguyễn Lan A sinh ngày 09/9/2009, Trần Nguyễn Kim Ng sinh ngày 08/10/2011, Trần Nguyễn Bảo Ph sinh ngày 12/6/2016. Chị yêu cầu được nuôi cháu Phú, giao hai người con tên A, Ng cho anh T nuôi.

Chị không yêu cầu tranh chấp tài sản chung với anh Trần Nguyên Trang T.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2020 và quá trình tố tụng, anh Trần Nguyên Trang T là bị đơn trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Tr tự nguyện xác lập cuộc sống chung từ năm 2006, đến năm 2009 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nh, thị xã A, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tháng 6/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vợ làm có tiền nhưng không công khai, mập mờ trong chi tiêu, quản lý tài chính trong gia đình nên xảy ra xung đột, bất đồng với nhau. Từ đó mỗi khi anh uống rượu về nhớ lại chuyện cũ chửi mắn vợ con, đe dọa đánh đập. Tháng 11/2019, chị Tr bỏ ra ngoài thuê nhà trọ ở, anh động viên chị Tr quay về chung sống được thời gian thì những mâu thuẫn trước lại phát sinh. Tháng 7/2020, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, chị Tr bỏ ra ngoài thuê nhà trọ ở đến nay. Trước đây anh thống nhất ly hôn, nhưng sau đó thay đổi yêu cầu được đoàn tụ.

Anh thống nhất lời khai của chị Tr về quan hệ con chung. Anh yêu cầu được nuôi cả 03 người con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Anh thống nhất lời khai của chị Tr về quan hệ tài sản chung là không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

* Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Các đương sự không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán trong quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ các trình tự tố tụng đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn hân: Trong quá trình chung sống, chị Tr và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn, cuộc sống ly thân kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, không ai

quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr.

Về con chung: Xét điều kiện công việc, mức thu nhập, nguyện vọng của các con, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con và đảm bảo sự phát triển bình thường, toàn diện cho các cháu, nên giao 03 người con chung tên Lan A, Kim Ng, Bảo Ph cho anh T nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Tr vì anh T không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Nguyên Trang T đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để thực hiện quyền tham gia tố tụng của mình. Nhưng cả 02 lần, anh Trần Nguyên Trang T vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Trang T.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Trần Nguyên Trang T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Nh, thị xã a, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/5/2009. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hợp pháp. Anh Trần Nguyên Trang T cư trú và làm việc tại thị xã A, tỉnh B. Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr yêu cầu ly hôn với anh Trần Nguyên Trang T, yêu cầu ly hôn của chị Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A theo khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Trần Nguyễn Trang T chung sống với nhau và đã có được 03 người con chung. Chị Tr cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu kiếm chuyện gây gỗ đánh vợ con. Còn anh T xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị Tr không minh bạch trong việc quản lý, sử dụng tài sản chung trong gia đình. Từ những mâu thuẫn này vợ chồng không khéo dàn xếp dẫn đến xích mích, xung đột và đã 02 lần vợ chồng chia tay, sau đó vợ chồng tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có hạnh phúc và chấm dứt cuộc sống chung từ tháng 7/2020 cho đến nay.

Tại phiên hòa giải ngày 10/11/2020, anh T thống nhất ly hôn với chị Tr. Nhưng tại phiên hòa giải ngày 15/12/2020, anh T thay đổi yêu cầu được đoàn tụ, tuy nhiên sau khi thông qua biên bản hòa giải, anh T đã bỏ về không ký vào biên bản hòa giải. Anh T thay đổi yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy anh T cố tình gây khó khăn, trở ngại cho việc giải quyết cuộc ly hôn của anh chị và chưa thể hiện được thiện chí yêu cầu đoàn tụ của mình.

Hơn nữa, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa phù hợp nguyên nhân mâu thuẫn cũng như mức độ mâu vợ chồng của chị Tr và anh T. Từ những phân tích, căn cứ trên thấy rằng tình cảm giữa chị Tr và anh T không thể dung hòa, mức độ mâu thuẫn thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được nên áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr là phù hợp.

[2.2] Về nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn: Chị Tr và anh T có 03 người con chung Trần Nguyễn Lan A sinh ngày 09/9/2009, Trần Nguyễn Kim Ng sinh ngày 08/10/2011, Trần Nguyễn Bảo Ph sinh ngày 12/6/2016, hiện anh T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tr yêu cầu được nuôi cháu Trần Nguyễn Bảo Ph và giao hai người con Trần Nguyễn Lan A, Trần Nguyễn Kim Ng cho anh T nuôi dưỡng. Còn anh T yêu cầu được nuôi cả 03 người con chung. Xét thấy, anh T chưa tạo lập được chỗ ở riêng và công việc, thu nhập không ổn định để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 người con. Trong khi đó hai cháu Trần Nguyễn Lan A, Trần Nguyễn Bảo Ng có nguyện vọng ở với anh T. Hơn nữa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tính đến ngày xét xử cháu Ph chưa đủ 05 tuổi, ở lứa tuổi này cháu không thể tự chăm sóc bản thân mà cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ mới đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý. Do đó, giao 02 cháu Lan A, Kim Ng cho anh T nuôi và giao cháu Ph cho chị Trâm nuôi dưỡng là phù hợp. Lẽ ra, phải buộc chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T, nhưng anh T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ này cho chị Tr.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Trần Nguyên Trang T xác định không yêu cầu phân chia tài sản chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa hai anh chị. Do đó, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không xem xét.

[3] Nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr được ly hôn với anh Trần Nguyên Trang T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Trần Nguyên Trang T có 03 người con chung tên Trần Nguyễn Lan A sinh ngày 09/9/2009, Trần Nguyễn Kim Ng sinh ngày 08/10/2011, Trần Nguyễn Bảo Ph sinh ngày 12/6/2016.

- Giao 02 cháu Trần Nguyễn Lan A sinh ngày 09/9/2009, Trần Nguyễn Kim Ng sinh ngày 08/10/2011 cho anh Trần Nguyên Trang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Giao cháu Trần Nguyễn Bảo Ph cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Nguyên Trang T có nghĩa vụ giao cháu Trần Nguyễn Bảo Ph cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr vì anh Trần Nguyên Trang T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Trần Nguyên Trang T không yêu cầu nên không xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001400 ngày 16/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh B.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã Nh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Q